

Bản án số: **15/2020/HNGĐ-PT**

Ngày 29/12/2020

*“V/v tranh chấp chia tài sản chung  
sau ly hôn”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Văn Minh

*Các Thẩm phán:* Ông Trần Hưng Bính và ông Bùi Văn Thanh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Tú Loan, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế:** Bà Vũ Thị Liên Hoa- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 29 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 13/2019/TLPT-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “ Chia tài sản chung sau ly hôn”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 130/2019/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Huế bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 119/2020/QĐPT-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Hồ Văn L**, sinh năm 1944; Địa chỉ: 17A H, phường P, thành phố H, tỉnh T. Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Hồ Văn M, sinh năm 1971; Địa chỉ: 44 P, phường V, thành phố H, tỉnh T. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông L: Ông Nguyễn Văn Phước- Luật sư Văn phòng Luật sư Huế thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế. Địa chỉ: 31 Tổ Hữu, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Như Q**, sinh 1978; Địa chỉ: 164/6 H, phường A, thành phố H, tỉnh T. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Q: Ông Hoàng Kiến An- Luật sư của Công ty Luật Đại Trí thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế. Địa chỉ: 08 Trường Chinh, phường Xuân Phú, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn- ông Hồ Văn L trình bày: Ông kết hôn với bà Nguyễn Như Q năm 2012, đến đầu năm 2015 thì vợ chồng mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ tháng 12/2015. Năm 2017, Tòa án nhân dân thành phố Huế đã xử cho ông L được ly hôn với bà Q (Bản án số 24/2017/HNGĐ-ST ngày 02/6/2017).

Trong thời kỳ hôn nhân, ông L và bà Q đã tạo lập được một số tài sản là nhà và đất, hai bên đã thống nhất bán và chuyển nhượng như sau: Bán và chuyển nhượng nhà, đất tại thửa đất số 992(938-1), tờ bản đồ số 21 đường L, phường A, thành phố H được 2.100.000.000 đồng (giá trong hợp đồng là 500.000.000 đồng), số tiền này bà Q giữ; Bán và chuyển nhượng nhà đất tại thửa thửa đất số 993(938-1), tờ bản đồ số 20 đường L, phường A, thành phố H được 1.900.000.000 đồng (giá trong hợp đồng là 300.000.000 đồng), số tiền này bà Q giữ; Chuyển nhượng thửa đất số 223, tờ bản đồ số 18, diện tích 601 m<sup>2</sup> thôn P, xã P, tỉnh T, giá chuyển nhượng 1.500.000.000 đồng (giá ghi trên hợp đồng là 170.000.000 đồng), số tiền này bà Q giữ. Vào ngày 29/8/2016, ông L đã ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thửa đất số 715, tờ bản đồ số 21, diện tích 100,3 m<sup>2</sup> tại thôn N, phường A, thành phố H cho bà Q, thửa đất này có giá thị trường tại thời điểm chuyển nhượng là 1.700.000.000 đồng. Nguồn gốc của thửa đất này do vợ chồng ông Lê, bà Q tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, ông L tặng cho bà Q là do giữa ông và bà Q có thỏa thuận giao nhà cấp 3 gắn liền với diện tích đất 386,42m<sup>2</sup> tại phường T, thị xã H, tỉnh T cho ông L vì khi mua đất và xây dựng ngôi nhà này ông L đã mượn con gái mình là bà Hồ Thị Thu Thủy 2 lần tổng cộng 2,5 tỷ. Nhưng sau khi ký hợp đồng tặng cho thì bà Q thay đổi ý kiến. Như vậy, việc ông L tặng cho bà Q nhà đất này là có điều kiện và có thỏa thuận của bà Q trước đó chứ ông L không tự nguyện. Như vậy, tổng số tiền bán và chuyển nhượng nhà đất cũng như giá trị thửa đất ông L tặng cho bà Q là 7.200.000.000 đồng, số tiền này do bà Q cất giữ, sau đó sử dụng 3.400.000.000 đồng để trả tiền nợ chung vay Ngân hàng và bà Q có giao cho ông L 300.000.000 đồng, hiện nay bà Q còn giữ lại 3.500.000.000 đồng.

Đối với nhà đất tại thửa D6 tọa lạc tại Khu quy hoạch tái định cư phường T, thị xã H, chủ yếu là do ông L bỏ tiền ra mua đất và xây dựng. Tiền mua đất, xây nhà ông mượn con gái, đến nay còn nợ 2,3 tỷ đồng chưa trả nợ xong. Ngoài ra, năm 2016, ông L còn bán đất lấy 550.000.000 đồng để trả tiền mua xe ô tô BKS 75K- 04012 cho bà Q, xe này do bà Q sử dụng. Nay ông L yêu cầu được sử dụng và sở hữu nhà đất nói trên, khoản nợ 2,3 tỷ của con gái ông L có trách nhiệm trả, còn các tài sản khác bà Q đang quản lý, sử dụng thì để cho bà Q tiếp tục sử dụng, sở hữu định đoạt.

Bị đơn- bà Nguyễn Như Q trình bày: Về quan hệ hôn nhân như ông L trình bày là đúng. Quá trình chung sống trong hôn nhân bà và ông L đã tạo lập được 1 số tài sản gồm: Đối với nhà đất tại thửa D6, diện tích 386,42m<sup>2</sup> tại khu quy hoạch tái định cư phường T; Thửa đất này sau khi kết hôn bà Q đã dùng tài sản trước hôn nhân của bà là nhà đất tại 44 N, phường A, thành phố H thế chấp 1.500.000.000 đồng để mua. Sau khi mua đất khoản 1 năm, bà Q đã dùng tiền từ kinh doanh thẩm mỹ viện và ông L dùng tiền kinh doanh xưởng nhựa cùng nhau góp vốn vào để xây dựng ngôi nhà cấp 3 trên thửa đất đó. Quá trình chung sống làm ăn kinh doanh, bà và ông L đã tích góp và đã hoàn trả khoản vay 1.500.000.000 đồng lại cho Ngân hàng. Hiện tài sản này là của chung giữa bà và ông L;

Về nợ chung: Việc ông L cung cấp 02 giấy mượn tiền của con ruột ông là bà Hồ Thị Thu Thủy với số tiền 2,5 tỷ để làm nhà là không đúng sự thật, việc vay mượn đó là giữa cá nhân với nhau, bà không biết vì quá trình chung sống và làm ăn kinh doanh, bà với ông L chỉ giao dịch với Ngân hàng. Bà Q và ông L còn vay ngân hàng để mua các khoản sau: Nhà đất tại đường Lê Minh, nhà đất tại kiệt đường Lê Minh, đất tại tỉnh lộ 10. Năm 2016, do vợ chồng chung sống ngày càng không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông L và bà Q đã thống nhất bán các tài sản để phân chia. Nhà đất tại đường L bán 2.000.000.000 đồng; Nhà đất tại kiệt đường L 1.800.000.000 đồng; đất tại tỉnh lộ 10: 1.500.000.000 đồng, tổng cộng là 5.300.000.000 đồng và đã trả nợ vay ngân hàng 4.800.000.000 đồng trong đó Ngân hàng BVDV 3.400.000.000 đồng, trả Ngân hàng Agribank Hương Trà 1.400.000.000 đồng. Như vậy, còn thừa 500.000.000 đồng, đã chia cho ông L 300.000.000 đồng, bà Q nhận 200.000.000 đồng. Hiện nay, tài sản chung giữa bà Q và ông L chỉ còn là nhà và đất tại thửa D6, khu tái định cư T, thị xã H. Hiện giá trị trường của nhà đất này là 8.000.000.000 đồng. Bà Q đồng ý chia thành 2 phần bằng nhau, mỗi bên 4 tỷ, nếu bà Q nhận nhà thì sẽ giao cho ông L 4 tỷ tiền mặt và ngược lại

Tại bản án sơ thẩm số 130/2019/HNGĐ-ST ngày 15/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Huế đã quyết định:

Áp dụng khoản 2 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 213 Bộ luật dân sự; Điều 28, Điều 33, Điều 38, Điều 59 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điểm đ khoản 1 điều 12, điểm a Khoản 1 Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

[1] Về tài sản chung:

- Ông Hồ Văn L được hưởng phần tài sản có giá trị 6.824.370.000 đồng (Sáu tỷ, tám trăm hai mươi bốn triệu, ba trăm bảy mươi nghìn đồng) trong khối tài sản chung của vợ chồng. Bà Nguyễn Như Q được hưởng phần tài sản có giá trị 2.924.730.000 đồng (Hai tỷ, chín trăm hai mươi bốn triệu, bảy trăm ba mươi nghìn đồng) trong khối tài sản chung của vợ chồng.

- Giao cho ông Hồ Văn L được quyền sử dụng đất, sở hữu nhà và tài sản gắn liền trên đất thuộc thửa đất số D6 tọa lạc tại Khu quy hoạch tái định cư, phường T, thị xã H, tỉnh T (thửa đất và nhà đã được Ủy ban nhân dân thị xã Hương Thủy tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu nhà và tài sản gắn liền trên đất số BQ 930933 cấp ngày 12/02/2015).

- Ông Hồ Văn L phải thanh toán cho bà Nguyễn Như Q số tiền 949.730.000 đồng chênh lệch do được nhận tài sản.

[2] Về chi phí định giá tài sản: Nguyên đơn tự nguyện chi trả số tiền 3.300.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Như Q phải chịu 90.487.400 đồng.

- Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Hồ Văn L.

Trả lại cho ông Hồ Văn L số tiền tạm ứng án phí 51.000.000 đồng đã nộp tại biên lai số 004545 ngày 26/01/2018 và số tiền tạm ứng án phí 22.000.000 đồng tại

biên lai số 007564 ngày 27/12/2018 (do ông Hồ Văn M nộp) đều của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và quyền thi hành án theo quy định pháp luật.

Ngày 06/11/2019 bị đơn- bà Nguyễn Như Q có đơn kháng cáo đối với Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 48/2019/HNGĐ-ST ngày 28/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế với nội dung:

1. Xem xét chia tài sản chung của các bên theo tỷ lệ 50/50 vì công sức của hai bên đóng góp tạo lập khối tài sản chung là ngang nhau.

2. Công nhận 1.400.000.000 đồng vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Hương Trà là tiền nợ chung do vay mượn để làm nhà.

3. Định giá lại giá trị tài sản là nhà và đất tại Thửa D6 phường Thủy Dương, thị xã Hương Thủy do hiện nay giá trị nhà đất thị trường tăng cao để đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự khi phân chia tài sản chung.

4. Yêu cầu phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân là chiếc xe ô tô Camry biển số 75A-03309 hiện nay ông Hồ Văn L đang sử dụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng, không có vi phạm gì cần kiến nghị khắc phục.

Về tố tụng: Cấp sơ thẩm đưa thêm 1.900.000.000đ vào giải quyết là vượt quá yêu cầu khởi kiện.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh kỹ công sức đóng góp của bà Q mà chia theo tỉ lệ 70/30 là chưa đảm bảo quyền lợi cho bà Q.

Do đó đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm do có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng để cấp sơ thẩm giải quyết lại.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các bên đương sự, của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1]. Về tố tụng:**

Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, bị đơn không rút kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

#### **[2]. Về nội dung:**

Xét kháng cáo của bà Nguyễn Như Q, thấy rằng:

[2.1] Ông Hồ Văn L và bà Nguyễn Như Q ly hôn theo Bản án số 24/2017/HNGĐ-ST ngày 02/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Tại thời điểm ly hôn ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Tuy nhiên sau đó giữa ông bà có tranh chấp về tài sản chung nên yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông L và bà Q thống nhất phần tài sản trong thời kỳ hôn nhân mà ông bà tạo lập gồm:

Thửa đất số 992(938-1), tờ bản đồ số 21 đường L, phường A, thành phố H

Thửa thửa đất số 993(938-1), tờ bản đồ số 20 đường L, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 18, diện tích 601 m<sup>2</sup> thôn P, xã P, tỉnh T.

Thửa đất số 715, tờ bản đồ số 21, diện tích 100,3 m<sup>2</sup> tại thôn Nhì Tây, phường A, thành phố H, tỉnh T.

Nhà đất tại thửa D6, diện tích 386,42m<sup>2</sup> tại khu quy hoạch tái định cư phường T, tỉnh T.

Ông L bà Q đều xác định hiện tài sản chung gồm: Thửa đất số 992(938-1), tờ bản đồ số 21 đường L, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Thửa đất số 993(938-1), tờ bản đồ số 20 đường L, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 18, diện tích 601 m<sup>2</sup> thôn Phước Linh, xã Phú Mỹ, tỉnh Thừa Thiên Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế đã chuyển nhượng sang người khác. Đối với thửa đất số 715, tờ bản đồ số 21, diện tích 100,3 m<sup>2</sup> tại thôn Nhì Tây, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế thì ông L đã tặng cho bà Q nên tài sản chung của ông L bà Q chỉ còn Nhà đất tại thửa D6, diện tích 386,42m<sup>2</sup> tại khu quy hoạch tái định cư phường Thủy Dương, tỉnh Thừa Thiên Huế. Tại Biên bản làm việc ngày 27/02/2020, ông L có ý kiến là không yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét các tài sản chung đã chuyển nhượng cũng như đã tặng cho mà chỉ yêu cầu xem xét phân chia nhà đất tại thửa D6 Khu quy hoạch tái định cư phường T, thị xã H, tỉnh T.

[2.2]. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Hồ Văn L chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung là nhà đất tại thửa D6, diện tích 386,42m<sup>2</sup> tại khu quy hoạch tái định cư phường T, thị xã H, tỉnh T có trong thời kỳ hôn nhân; Ngôi nhà này có giá trị là 7.474.100.000đ.

[2.3] Đối với tài sản chung là xe ô tô hiệu Hyundai Acent biển kiểm soát 75A-040.12, do bà Nguyễn Như Q đứng tên đăng ký, sử dụng và bà đã bán. Hội đồng xét xử thấy rằng ông Hồ Văn L không có đơn yêu cầu, nhưng ông Hồ Văn Minh người đại diện theo ủy quyền của ông L viết và ký đơn khởi kiện bổ sung. Theo điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định *“Cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi tố tụng dân sự thì có thể tự mình hoặc nhờ người khác làm hộ đơn khởi kiện vụ án. Tại mục tên, địa chỉ nơi cư trú của người khởi kiện trong đơn phải ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú của cá nhân đó; ở phần cuối đơn, cá nhân đó phải ký tên hoặc điểm chỉ”*; Như vậy lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện bổ sung của ông Minh vì ông Minh không có quyền ký đơn khởi kiện, mà hướng dẫn cho ông L phải ký đơn khởi kiện bổ sung mới đúng quy định.

[2.4] Ngoài ra ông L không có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét phân chia tài sản chung là số tiền mặt 1.900.000.000 đồng mà ông L cho rằng bà Q đang giữ (bà Q phủ nhận việc bản thân đang giữ số tiền này). Mặt khác trong quá trình giải quyết bị

đơn bà Nguyễn Như Q cũng chỉ đề nghị Tòa án xem xét phân chia tài sản chung như ông L khởi kiện. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm quyết định khấu trừ số tiền 1.900.000.000 đồng cho rằng bà Q đang giữ khi phân chia tài sản chung tại thửa D6, diện tích 386,42 m<sup>2</sup> tại khu quy hoạch tái định cư phường Thủy Dương, tỉnh Thừa Thiên Huế là vi phạm quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự, cụ thể : “ *Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu*”.

[2.5] Tòa án cấp sơ thẩm khi giải quyết đã xác định tài sản chung ông L bà Q gồm ba khoản :

- Nhà đất tại thửa D6, diện tích 386, có giá trị là 7.474.100.000 đồng.
- Chiếc xe ô tô hiệu Acent có giá trị 350.000.0000 đồng.
- Số tiền 1.900.000.000 đồng bà Q đang giữ

Tổng cộng là 9.724.100.000 đồng và chia cho ông L hưởng 6.824.370.000 đồng, bà Q hưởng 2.924.730.000 đồng.

Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm xem xét giải quyết liên quan đến khoản tiền 1.900.000.000 đồng là vượt quá yêu cầu khởi kiện; việc đưa chiếc xe ô tô Accent do người không có quyền khởi kiện vào giải quyết đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trong vụ án.

Ngoài ra quá trình xem xét phân chia tài sản chung ông L bà Q là nhà và đất tại thửa D6 Khu quy hoạch tái định cư phường T, thị xã H, tỉnh T, Tòa án cấp sơ thẩm chưa điều tra, xác minh rõ công sức của mỗi bên trong việc tạo lập tài sản này, đánh giá toàn diện tài liệu chứng cứ do mỗi bên cung cấp nên giải quyết phân chia cho ông L hưởng 70%, bà Q hưởng 30% là chưa có căn cứ pháp lý.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm có những vi phạm nghiêm trọng về tố tụng, Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên Hội đồng xét xử xét cần hủy toàn bộ Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 130/2019/HNGĐ-ST ngày 15/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Huế để giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm.

[2.6] Đối với nhà đất tại thửa D6 khu quy hoạch tái định cư phường T, thị xã H, tỉnh T đứng tên ông Hồ Văn L và bà Nguyễn Như Q. Tại cấp phúc thẩm, bà Q có yêu cầu định giá lại. Ngày 26/02/2020 được định giá có giá trị là 8.963.269.592 đồng. Chênh lệch 1.489.169.592 đồng, được xác định để chia tài sản chung khi giải quyết lại.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Sẽ được quyết định khi giải quyết lại vụ án.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Q không phải chịu,

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự; tuyên xử:

**1.** Hủy toàn bộ Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 48/2019/HNGĐ-ST ngày 28/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Chuyển hồ sơ vụ án nói trên cho Tòa án nhân dân thành phố Huế giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

**2. Về án phí dân sự phúc thẩm:** Bà Nguyễn Như Q không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà Q số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp (BL số 8863 ngày 18/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế).

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận***

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT-Huế;
- TAND thành phố Huế;
- Chi cục THA TP Huế;
- Đường sự;
- Lưu Hồ sơ, Tòa DS, Tổ HC-TP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Văn Minh**